

Bản án số: **500/2022/KDTM-PT**

Ngày: 24/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Toại

*Các Thẩm phán:*

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng Hoa, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2022/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3915/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9813/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần STG;

Địa chỉ trụ sở: phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Đỗ Thị Huyền T;

Địa chỉ liên hệ: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 10/5/2020).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Lê Trạch G; Thẻ Luật sư số 2479/LS do Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 07/6/2018 là Luật sư Công ty Luật TNHH Quốc tế An Phú, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Công ty TNHH UC;

Địa chỉ trụ sở: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Minh Đ;  
Địa chỉ: phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* **Nguyên đơn.**

(Nguyên đơn và Luật sư có mặt tại phiên tòa. Riêng Bị đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm:

#### **- Đại diện Nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/8/2017, Công ty Cổ phần STG và Công ty TNHH UC ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20WSC-UC-2017 và Phụ lục hợp đồng số 01WSC-UC-2017 với nội dung Nguyên đơn góp vốn bằng mặt bằng tại địa chỉ số 9 Lê Ngô Cát, Phường 7 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3. Bị đơn góp vốn bằng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự... để thành lập trường Anh ngữ Úc Châu. Hai bên thỏa thuận Nguyên đơn hưởng lợi nhuận là 83.490.000 đồng/tháng (đã bao gồm VAT) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng tháng của Bị đơn. Từ ngày 01/8/2019 đến ngày 01/6/2021 phần lợi nhuận sẽ được điều chỉnh tăng 10% tương ứng số tiền 91.839.000 đồng/tháng. Bị đơn hưởng tổng số lợi nhuận còn lại sau khi đã phân chia kết quả kinh doanh cho Nguyên đơn theo số lợi nhuận cố định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với bên thứ ba.

Từ tháng 03/2020, Bị đơn vi phạm nghĩa vụ không phân chia lợi nhuận cho Nguyên đơn.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, hai công ty đã nhiều lần gửi văn bản qua lại trao đổi với nhau về việc giảm tiền phân chia lợi nhuận và xử lý tiền đặt cọc, cụ thể:

Từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020, Bị đơn gửi văn bản đề nghị Nguyên đơn miễn, giảm tiền lợi nhuận, tuy nhiên Nguyên đơn không chấp nhận lý do là Nguyên đơn đã tiến hành các hoạt động hỗ trợ Bị đơn, mặt khác do yêu cầu về kinh phí hoạt động nên không thể miễn chia lợi nhuận được.

Để hỗ trợ Bị đơn, phía Nguyên đơn đề xuất giảm tiền phân chia lợi nhuận, cụ thể giảm 40% cho tháng 3,4,5/2020. Tuy nhiên Bị đơn đề nghị giảm 50% lợi nhuận tháng 3,4,5/2020, lợi nhuận của tháng 6,7/2020 được căn trừ vào tiền đặt cọc ban đầu và chấm dứt hợp đồng.

Sau nhiều lần trao đổi, hai bên vẫn không thống nhất được phương án xử lý công nợ.

Ngày 18/5/2020, Bị đơn gửi công văn thông báo chấm dứt hợp đồng vào ngày 10/8/2020 và yêu cầu căn trừ số tiền 227.700.000 đồng tiền đặt cọc vào tiền công nợ.

Bị đơn đã thanh toán 60% tiền lợi nhuận của tháng 3,4,5/2020, tiền lợi nhuận của tháng 6/2020 và ngày 08/10/2020 tự chuyển trả thêm số tiền 74.527.000 đồng.

Do Bị đơn không thanh toán nợ như thời hạn đã cam kết nên Nguyên đơn không đồng ý giảm tiền thuê tháng 3,4,5/2020 và Bị đơn phải mất tiền đặt cọc, nên Nguyên đơn khởi kiện, buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền 517.803.838 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền 423.033.635 đồng, bao gồm 60% lợi nhuận chưa thanh toán của tháng 3,4,5/2020; lợi nhuận tháng 7,8/2020 (mỗi tháng 91.674.000 đồng) và tiền lãi 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước từ ngày trễ hạn đến ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 28/01/2021) là 39.190.635 đồng.

**- Đại diện Bị đơn trình bày:**

Bị đơn xác nhận ngày 01/8/2017, Nguyên đơn và Bị đơn có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20WSC-UC-2017 và Phụ lục hợp đồng số 01WSC-UC-2017 với nội dung Nguyên đơn góp vốn bằng mặt bằng tại địa chỉ số 9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3 (do Nguyên đơn thuê của Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh), Bị đơn góp vốn bằng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự... để thành lập trường Anh ngữ Úc Châu. Hàng tháng Bị đơn trả một khoản lợi nhuận cố định cho Nguyên đơn như phía Nguyên đơn trình bày.

Bị đơn đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20WSC-UC-2017 và Phụ lục hợp đồng số 01WSC-UC-2017 là vô hiệu do: Cùng một mặt bằng nhưng Nguyên đơn cho 02 công ty là Công ty TNHH UC và Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Giáo dục Tân Úc thuê; hợp đồng thuê mặt bằng giữa Nguyên đơn với Văn phòng Thành ủy là không cho phép Nguyên đơn góp vốn hay cho thuê lại và hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 01/4/2021 nhưng hợp đồng giữa Nguyên đơn và Bị đơn lại hết hạn vào ngày 01/6/2021.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận C, tuyên xử:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần STG về việc buộc Công ty TNHH UC phải thanh toán số tiền 423.033.635 đồng phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20WSC-UC-2017 ngày 01/8/2020 ký kết giữa Công ty Cổ phần STG và Công ty TNHH UC.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/5/2022, Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án sơ thẩm vi phạm quyền lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn khi bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền đặt cọc, tiền lãi, chỉ

yêu cầu Bị đơn thanh toán 40% lợi nhuận chưa thanh toán của tháng 3,4,5/2020 và 33% lợi nhuận tháng 7,8/2020. Tổng cộng số tiền là 85.000.000 đồng.

- Luật sư Lê Trạch G đưa ra quan điểm theo trình bày của đại diện Nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên do việc vắng mặt của Bị đơn nên yêu cầu này không được xem xét. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Nguyên đơn thừa nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn được ghi nhận trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân Quận C, thụ lý giải quyết về *tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh*, giữa Nguyên đơn với Bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Hợp đồng số 228-HĐ/VPTU ngày 08/8/2017 ký kết giữa Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Nguyên đơn, thì mặt bằng số 09 Đường Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3 thuộc quyền quản lý của Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng Thành ủy đã cho Nguyên đơn thuê trong thời hạn từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/4/2021. Tại Điều 1 của hợp đồng hai bên đã thỏa thuận mục đích của việc thuê mặt bằng là để Nguyên đơn làm văn phòng, trường quốc tế, trường mầm non theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan chức năng cấp cho Nguyên đơn. Tuy nhiên, Nguyên đơn không sử dụng mặt bằng này đúng mục đích như thỏa thuận trong hợp đồng. Tại mục 4.3 Điều 4 của hợp đồng hai bên cũng thỏa thuận Nguyên đơn: *“không được thế chấp, chuyển nhượng, cầm cố hay góp vốn bằng nhà đất thuê dưới mọi hình thức”*; và Điều 5 của hợp đồng cũng ghi nhận *Công ty STG không được cho người khác thuê lại tài sản thuê*. Thực tế, Nguyên đơn không thông báo với Văn phòng Thành ủy về việc ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Bị đơn. Việc

này đã được Văn phòng Thành ủy xác nhận, tại Công văn số 2454-CV/VPTU ngày 10/6/2021.

Như vậy Nguyên đơn đã cho Bị đơn thuê lại mặt bằng khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu là trái quy định pháp luật nên Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20WSC-UC-2017 ngày 01/8/2017 ký kết giữa Nguyên đơn và Bị đơn vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự; vì vậy hợp đồng này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên và các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Xét, cả hai bên đều có lỗi khi hợp đồng bị vô hiệu; hai bên đã chấm dứt thực hiện hợp đồng, tài sản thuê đã được hoàn trả và không yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại. Thực tế Bị đơn có sử dụng mặt bằng số 09 Đường Lê Ngô Cát để làm trường Anh ngữ Úc Châu; bản án sơ thẩm tính tiền thuê mặt bằng của Bị đơn để trả cho Nguyên đơn và căn trừ tiền đặt cọc của Bị đơn và các khoản tiền khác là có căn cứ và chính xác. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tổng số tiền 423.033.635 đồng, phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên hoặc đại diện Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm; trong trường hợp không có sự đồng ý của Bị đơn (do Bị đơn vắng mặt) là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Khoản 3 Điều 296; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần STG. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

*Xử:*

1/. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần STG về việc buộc Công ty TNHH UC phải thanh toán 423.033.635 (*bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi lăm*) đồng, phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20WSC-UC-2017 ngày 01/8/2020 ký kết giữa Công ty Cổ phần STG và Công ty TNHH UC.

2/. Án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần STG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.921.345 (*hai mươi triệu chín trăm hai mươi một nghìn ba trăm bốn mươi lăm*) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 12.356.077 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0032991 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C.

Công ty Cổ phần STG còn phải nộp thêm số tiền là 8.565.268 (*tám triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi tám*) đồng, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3/. Án phí phúc thẩm:**

Công ty Cổ phần STG phải chịu 2.000.000 (*hai triệu*) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*hai triệu*) đồng; theo Biên lai thu số AA/2021/0007267 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận C;
- Chi cục THADS Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Toại**